

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIM BẢNG
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/DS-ST
Ngày 16- 8 - 2019
V/v: “Tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM BẢNG, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Nguyệt.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Khánh.

2. Bà Trần Thị Bích.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quang Tất - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị An - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 04/2019/TLST-DS ngày 18 tháng 6 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2019/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 8 năm 2019 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Ông Đỗ Tiến D, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Thôn M, xã N, huyện K, tỉnh Hà Nam. Có mặt.

2. *Bị đơn:* - Ông Nguyễn Vĩnh L, sinh năm 1976.

- Bà Nguyễn Thị O, sinh năm 1977.

Cùng địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam. Có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Đinh Thị N, sinh năm 1964; địa chỉ: Thôn M, xã N, huyện K, tỉnh Hà Nam.

Người đại diện theo ủy quyền của bà N: Ông Đỗ Tiến D, sinh năm 1964; địa chỉ: Thôn M, xã N, huyện K, tỉnh Hà Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai tại Tòa án, ông Đỗ Tiến D là nguyên đơn trình bày: Gia đình ông kinh doanh thức ăn chăn nuôi gia súc nên ngày 11/11/2017 âm lịch, tức ngày 28/12/2017 dương lịch ông L có đến đặt vấn đề với ông để cung cấp thức ăn gia súc để nuôi lợn. Khi mua bán hai bên không lập hợp đồng mà chỉ thỏa thuận bằng lời, cụ thể mỗi lần lấy cám thì vợ chồng ông L phải ký nhận vào sổ. Tổng số nợ vợ chồng ông L, bà O lấy thức ăn chăn nuôi của ông thành tiền 117.250.000đồng. Đến ngày 25/02/2018 âm lịch, ông L, bà O đã trả cho ông 30.000.000đồng và ngày 10/7/2018 dương lịch trả 12.500.000đồng. Tổng hai lần ông L, bà O trả cho ông 42.500.000đồng, còn lại là 74.750.000đồng chưa trả, ông đã đòi nhiều lần nhưng ông L, bà O vẫn cố tình không trả. Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông L, bà O trả cho ông số tiền mua cám còn nợ là 74.750.000đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật tính từ ngày 10/7/2018 đến thời điểm xét xử.

Ông Nguyễn Vĩnh L và bà Nguyễn Thị O là bị đơn trình bày: Vào khoảng tháng 11/2017 ông D có đến thăm trang trại của gia đình ông bà để bán thức ăn chăn nuôi lợn cho vợ chồng ông, bà. Hai bên thỏa thuận bằng lời ông D cung cấp cám để nuôi lợn với giá 2.500.000đồng tiền cám/01 con lợn thịt. Vợ chồng ông, bà đồng ý và đã mua cám của ông D thành nhiều đợt, mỗi lần lấy cám, ông bà đều ký nhận vào sổ nợ của anh D. Đến ngày 03/3/2018 không hiểu lý do gì mà anh D ngừng cấp cám nên vợ chồng ông, bà phải bán lợn non với số tiền 600.000đồng/con. Vợ chồng ông, bà đã mua cám của ông D với tổng số tiền là 117.250.000đồng. Đến ngày 25/02/2018 âm lịch đã trả cho ông D số tiền 30.000.000đồng và ngày 10/7/2018 dương lịch trả 12.500.000đồng. Tổng số tiền ông, bà đã trả hai lần là 42.500.000đồng. Số tiền ông bà còn nợ tính đến ngày 10/7/2018 là 74.750.000đồng. Nay ông D yêu cầu ông, bà phải trả cho ông D số tiền 74.750.000đồng ông, bà nhất trí nhưng xin trả nợ dần thành nhiều đợt, cụ thể: Tháng 10/2019 trả 20.000.000đồng, từ tháng 10/2019 cho đến tháng 5/2020 sẽ trả nốt số tiền mua cám còn lại. Về tiền lãi ông D yêu cầu ông bà phải trả, ông bà không nhất trí vì đây là tiền mua cám chứ không phải là tiền ông bà vay nợ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Đinh Thị N ủy quyền cho ông Đỗ Tiến D trình bày như ông D đã trình bày ở trên.

Tại phiên tòa các đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày không bổ sung gì.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tổ tụng dân sự của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng theo quy định pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ

khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các Điều 357, 430, 433, 434, 440 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ, phí tòa án, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ông Đỗ Tiến D. Buộc ông Nguyễn Vĩnh L và bà Nguyễn Thị O phải có nghĩa vụ trả cho ông Đỗ Tiến D số tiền 74.750.000đồng và tiền lãi của số tiền do chậm trả theo quy định của pháp luật. Án phí: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện ông Đỗ Tiến D yêu cầu Tòa án giải quyết đối với ông Nguyễn Vĩnh L và bà Nguyễn Thị O là bị đơn có cùng nơi cư trú thôn P, xã T, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

[2] Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, giữa ông Đỗ Tiến D và vợ chồng ông L bà O đều thống nhất xác định việc giao dịch mua bán cám là sự tự nguyện thỏa thuận giữa các bên kể từ ngày 11/11/2017. Khi giao kết mua bán cám với nhau không lập hợp đồng bằng văn bản mà chỉ giao dịch bằng lời, theo đó ông Đỗ Tiến D cung cấp cám cho ông L bà O và ông L bà O trả tiền cho ông D. Việc giao nhận cám không có hóa đơn mà chỉ theo dõi và ký nhận vào sổ ghi chép nợ của ông D. Tính đến ngày 10/7/2018 các bên thống nhất và ông L bà O cũng thừa nhận còn nợ của ông D số tiền 74.750.000đồng chưa trả. Nay ông D khởi kiện yêu cầu ông L bà O phải trả số tiền 74.750.000đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật là có căn cứ được chấp nhận, phù hợp quy định tại Điều 357; Điều 430 Bộ luật dân sự.

[3] Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ dân sự: Do ông L bà O không thực hiện nghĩa vụ trả số tiền 74.750.000đồng cho ông D thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả được tính từ ngày 10/7/2018 đến thời điểm xét xử là 13 tháng 06 ngày. Trong trường hợp này các bên không có thỏa thuận việc trả lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán nên mức lãi suất được áp dụng theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự là 10%/năm. Cụ thể: $74.750.000\text{đồng} \times 0,833\% \times 13 \text{ tháng } 06 \text{ ngày} = 8.219.000\text{đồng}$.

Như vậy, tổng số tiền còn nợ, lãi để buộc ông L bà O phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông Đỗ Tiến D là 74.750.000đồng + 8.219.000đồng = 82.969.000đồng là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của ông D được chấp nhận nên hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp cho ông D. Ông L bà O phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ, phí Tòa án.

[5] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 272; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các Điều 357; Điều 430; Điều 433; Điều 434; Điều 440 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ, phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Tiến D.

Buộc ông Nguyễn Vĩnh L và bà Nguyễn Thị O phải có nghĩa vụ trả cho ông Đỗ Tiến D số tiền 74.750.000đồng và lãi suất do chậm trả tiền là 8.219.000đồng. Tổng cộng: 82.969.000đồng.

2. Án phí: Vợ chồng Nguyễn Vĩnh L và bà Nguyễn Thị O phải chịu 4.148.000đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông Đỗ Tiến D 2.055.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0001568 ngày 18/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Bảng.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án. Nếu bên phải thi hành án không tự nguyện thi hành xong các khoản tiền thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế

thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam (để b/c);
- VKSND huyện Kim Bảng;
- Chi cục THADS huyện Kim Bảng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Nguyệt

